

Bản án số: 11/2022/HNGĐ – ST  
Ngày: 28/02/2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Hồng Thanh;
2. Ông Hồ Tấn Lộc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 03, xã H, thành phố B, tỉnh Đ, tạm trú: 105/18/14 khu phố N 2, phường DA, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh D, sinh năm 1987; thường trú: Thôn 03, xã H, thành phố B, tỉnh Đ, tạm trú: 105/18/14 khu phố N 2, phường DA, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 – 2009 ngày 06/02/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, khi chị T sinh con được khoảng vài tháng thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù chị T đã cố gắng hòa giải và nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Trên thực tế cả hai tuy sống chung nhưng đã ly thân về mặt tình cảm 07 năm. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Lê Thanh D, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/9/2011. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 28 tháng 12 năm 2021 bị đơn anh Lê Thanh D trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Thanh D và chị Nguyễn Thị T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 – 2009 ngày 06/02/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng hiện còn sống chung nhưng đã sống ly thân về mặt tình cảm từ 07 năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh D xác định không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh Lê Thanh D đồng ý giao con chung tên Lê Nguyễn Yên V, sinh ngày 19/9/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh Lê Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố D tại Hội liên hiệp phụ nữ phường DA, thành phố D thể hiện*: Hội Liên hiệp phụ nữ phường DA không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị

đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị T và anh D đều xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã cố gắng hòa giải nhưng không thành nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D là trầm trọng, chị T có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị T và anh D đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét sự thỏa thuận của chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Lê Thanh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T ngày 06/02/2009 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, quyển số 01 - 2009) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân về mặt tình cảm từ 07 năm nay nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Anh Lê Thanh D cũng thừa nhận quan hệ vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, thực tế cả hai đã sống ly thân từ mặt tình cảm từ 07 năm nay. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc và để đạt được mục đích đó thì vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Anh D thừa nhận hiện không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh D là trầm trọng, chị T yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D có 01 con chung là Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/9/2011. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D thỏa thuận sẽ giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không

vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh D (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, quyển số 01 – 2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T cấp ngày 06/02/2009).

2. Về con chung: Buộc anh Lê Thanh D giao con chung tên Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/9/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Lê Thanh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh D đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003108 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố D (1);
- Chi cục THADS thành phố D (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**